

Số: 335 /KH-UBND

Mỹ Hào, ngày 16 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục
về dân số trên địa bàn phường Mỹ Hào

Thực hiện Kế hoạch số 337/KH-UBND ngày 28/8/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện Hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số. Ủy ban nhân dân phường ban hành Kế hoạch thực hiện Hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn phường Mỹ Hào như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai kịp thời, đầy đủ, thống nhất nội dung truyền thông, vận động, giáo dục về dân số theo Quyết định số 2358/QĐ-BYT; cụ thể hóa nội dung, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với đặc điểm dân số và điều kiện thực tế của phường Mỹ Hào.

b) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức và các tầng lớp nhân dân về công tác dân số; tạo sự đồng thuận, huy động sự tham gia của toàn xã hội trong việc thực hiện công tác dân số; tăng cường ý thức chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số, góp phần thực hiện hiệu quả Luật Dân số, các văn bản hướng dẫn thi hành và các mục tiêu về dân số và phát triển trên địa bàn.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương.

b) Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các phòng, ban, ngành, đoàn thể và các tổ dân phố trong quá trình tổ chức thực hiện; tăng cường phối hợp liên ngành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.

c) Nội dung, hình thức truyền thông, vận động, giáo dục về dân số phải bảo đảm chính xác, kịp thời, dễ hiểu, thiết thực, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và điều kiện thực tế; tôn trọng đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp; góp phần xóa bỏ định kiến giới và các quan niệm, tập quán không còn phù hợp về dân số.

d) Đa dạng hóa hình thức truyền thông; kết hợp phù hợp giữa truyền thông trực tiếp và truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số và mạng xã hội; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong

truyền thông về dân số.

đ) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định, kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và điều chỉnh nội dung, hình thức triển khai phù hợp với tình hình thực tế.

II. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC VỀ DÂN SỐ

1. Tăng cường tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số

a) Tổ chức truyền thông, vận động, giáo dục về đường lối, chủ trương của Đảng và nội dung các văn bản: Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về Luật Dân số số 113/2025/QH15 của Quốc hội; Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Dân số. Truyền thông, vận động, giáo dục về các nội dung Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

c) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn phường; góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hiệu quả thực hiện công tác dân số.

d) Tổ chức truyền thông, vận động, giáo dục về các nội dung, nhiệm vụ theo các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành: Kế hoạch số 56/KH-UBND về việc thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 27/3/2026 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 20/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dân số số 113/2025/QH15; Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 19/6/2026 về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 28/5/2026 về thực hiện Chương

trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 05/8/2026 về thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.

2. Các nội dung truyền thông, vận động, giáo dục về dân số chung

2.1. Vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để đảm bảo phát triển bền vững đất nước và hạnh phúc của người dân

a) Tập trung truyền thông, vận động mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động quyết định thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp với tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, thu nhập và khả năng nuôi dạy con; bảo đảm bình đẳng, tự nguyện và có trách nhiệm. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động sinh đủ 02 con trước 35 tuổi; kết hôn và sinh con phù hợp với độ tuổi; nâng cao nhận thức về lợi ích của việc sinh đủ con đối với hạnh phúc gia đình và phát triển kinh tế - xã hội.

b) Tăng cường truyền thông, vận động đối với nam, nữ thanh niên, người trong độ tuổi sinh sản, các cặp vợ chồng, nhất là người lao động tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn phường về việc chủ động lựa chọn thời điểm sinh con, khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp; đồng thời nâng cao nhận thức về những tác động bất lợi của kết hôn quá sớm, sinh con quá sớm, sinh con quá muộn hoặc sinh con quá dày đối với sức khỏe, chất lượng cuộc sống và chất lượng dân số.

c) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Dân số và Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ; thực trạng, nguyên nhân và những tác động của mức sinh thấp kéo dài đối với quy mô, cơ cấu dân số, nguồn nhân lực và an sinh xã hội.

d) Truyền thông, vận động tạo môi trường xã hội thuận lợi để cá nhân, cặp vợ chồng thực hiện quyền và trách nhiệm sinh con; khuyến khích gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức và người sử dụng lao động quan tâm, hỗ trợ việc sinh và nuôi dạy con, góp phần giảm các rào cản đối với việc sinh đủ con và xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

đ) Đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số, tích cực vận động, khuyến khích các cặp vợ chồng, cá nhân chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, không lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức, sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, chủ động chuẩn bị cho tuổi già, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

e) Hướng dẫn người dân tiếp cận thông tin chính thống, nâng cao khả năng nhận diện, phòng ngừa thông tin sai sự thật, thông tin chưa được kiểm chứng về công tác dân số trên không gian mạng.

2.2. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động; lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia trong thực hiện công tác dân số

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số; nâng cao nhận thức về quyền, nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong thực hiện công tác dân số.

b) Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện chính sách dân số; tích cực vận động, khuyến khích các cá nhân, cặp vợ chồng chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh, sơ sinh; không lựa chọn giới tính thai nhi; sinh con, nuôi dạy con tốt; xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc và chủ động chuẩn bị cho tuổi già.

c) Đẩy mạnh truyền thông tại cộng đồng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học và trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, chú trọng các nhóm dân cư, địa bàn có mức sinh thấp hoặc có nguy cơ mất cân bằng giới tính khi sinh, người lao động tại các khu công nghiệp cụm, công nghiệp và các nhóm dân cư dễ bị tác động bởi thông tin sai lệch về công tác dân số.

d) Cung cấp đầy đủ thông tin khoa học, đồng thời tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ về y tế, việc làm, an sinh xã hội và chăm sóc trẻ em, nhằm tạo điều kiện để người dân thực hiện quyền sinh con một cách an toàn, chủ động và có trách nhiệm. Hướng dẫn người dân tiếp cận thông tin chính thống, nâng cao khả năng nhận diện, phòng ngừa thông tin sai sự thật, thông tin chưa được kiểm chứng về công tác dân số trên không gian mạng.

2.3. Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, hệ lụy của việc mất cân bằng giới tính khi sinh

a) Tuyên truyền về các quy định tại Điều 15 Luật Dân số năm 2025 về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, thực trạng, nguyên nhân, hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh đối với sự phát triển bền vững của địa phương. Đồng thời tuyên truyền Nghị định số 90/2026/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính liên quan lựa chọn giới tính thai nhi; Thông tư số 11/2026/TT-BYT quy định Danh mục các bệnh được thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi để phục vụ chẩn đoán và điều trị; nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi, thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi trái quy định.

b) Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về giới, bình đẳng giới, nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Nâng cao trách nhiệm của nam giới trong chăm sóc sức khỏe sinh sản và nuôi dạy con, xây dựng gia đình hạnh phúc. Khuyến khích đưa nội dung không lựa chọn giới tính thai nhi vào hương ước, quy ước cộng

đồng dân cư; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân, gia đình thực hiện tốt công tác dân số.

2.4. Thích ứng với già hóa dân số, chuẩn bị cho tuổi già từ khi còn trẻ

a) Nâng cao nhận thức cho người dân về việc chủ động chuẩn bị cho tuổi già ngay từ khi còn trẻ; đa dạng hóa các mô hình chăm sóc và hỗ trợ nâng cao năng lực tự chăm sóc của người cao tuổi.

b) Khuyến khích người cao tuổi tiếp tục đóng góp kinh nghiệm, tri thức, kỹ năng thông qua các hoạt động lao động, xã hội phù hợp để xây dựng gia đình và cộng đồng.

c) Vận động tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng môi trường an toàn, thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người cao tuổi tiếp cận các dịch vụ y tế, an sinh xã hội, văn hóa, giáo dục, giao thông và công nghệ số.

d) Cung cấp kiến thức, kỹ năng duy trì sức khỏe thể chất, tinh thần và chức năng xã hội; tuyên truyền, vận động, giáo dục về các nội dung chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng theo hướng dẫn tại Quyết định số 1976/QĐ-BYT ngày 01/7/2026 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng. Truyền thông nâng cao nhận thức về phòng, chống bạo lực, ngược đãi, lừa đảo và các hành vi xâm hại người cao tuổi; chăm sóc sức khỏe tinh thần, chống cô đơn, cô lập xã hội đối với người cao tuổi.

2.5. Khuyến khích người dân chăm sóc sức khỏe phù hợp với từng nhóm đối tượng; chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh. Ứng dụng công nghệ số trong chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng dân số.

a) Tổ chức truyền thông, vận động, giáo dục về lợi ích của tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; tư vấn, dự phòng và điều trị vô sinh. Khuyến khích nam, nữ thanh niên chủ động tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và thực hiện sàng lọc nhằm phát hiện sớm các bệnh góp phần nâng cao chất lượng dân số. Vận động người dân thực hiện sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy định, hướng dẫn chuyên môn và danh mục bệnh, tật, dị tật bẩm sinh được Bộ Y tế hướng dẫn.

b) Đẩy mạnh cung cấp thông tin, kiến thức và kỹ năng về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục phù hợp với từng nhóm đối tượng; chú trọng người chưa thành niên, thanh niên, công nhân tại các khu công nghiệp và các nhóm đối tượng có nguy cơ. Tạo điều kiện để người dân, nhất là các nhóm đối tượng có nguy cơ, tiếp cận các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, dự phòng vô sinh, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn và phá thai không an toàn; góp phần bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng dân số.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong truyền thông, tư vấn, cung cấp thông tin, kiến thức và kết nối người dân với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, sàng lọc trước sinh, sơ sinh và các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số; đa dạng hóa hình thức truyền thông, phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng địa bàn.

2.6. Giáo dục dân số phù hợp trong từng cấp học

a) Đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường; bảo đảm trang bị cho thế hệ trẻ hệ thống kiến thức và kỹ năng đúng đắn, phù hợp.

b) Đồng thời, lồng ghép phổ biến các quy định pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, trẻ em và các lĩnh vực có liên quan phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo, góp phần hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật cho học sinh, sinh viên ngay từ trong nhà trường.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC VỀ DÂN SỐ

1. Đối tượng

a) Cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trên địa bàn phường.

b) Các nhóm đối tượng ưu tiên: Người chưa thành niên; người trong độ tuổi sinh sản; người cao tuổi; người di cư, người khuyết tật, người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm; người sử dụng lao động.

2. Hình thức

a) Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Viết tin, bài; xây dựng phóng sự, chuyên trang, chuyên mục trên Trang thông tin điện tử phường và hệ thống phát thanh địa phương.

b) Lồng ghép truyền thông, tư vấn, vận động, tọa đàm và các hội thảo với các Hội nghị địa phương.

c) Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, truyền thông trên nền tảng số, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận người dân.

IV. ĐÀO TẠO ĐỘI NGŨ LÀM CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG DÂN SỐ

1. Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông, truyền thông số và sản xuất sản phẩm truyền thông cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số trên địa bàn.

2. Tạo điều kiện cho cán bộ làm công tác dân số tham gia các lớp đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và mạng xã hội trong công tác truyền thông dân số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, được bố trí trong dự

toán chi hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Các hoạt động của Kế hoạch được lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án có liên quan và các nguồn lực hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội phường

a) Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn phường; bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan về dân số, y tế và phát triển kinh tế - xã hội.

b) Chỉ đạo Trạm Y tế thuộc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ triển khai đồng bộ các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục về dân số; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông hằng năm theo Kế hoạch này và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân phường.

c) Chủ trì, phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ sơ kết, tổng kết, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Y tế theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý theo quy định đối với các xuất bản phẩm, trang thông tin điện tử có nội dung tuyên truyền, phổ biến về việc lựa chọn giới tính thai nhi trái quy định.

2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

Trên cơ sở đề xuất của phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ, căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước, tham mưu UBND phường bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Văn phòng HĐND và UBND phường

Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số; lồng ghép nội dung tuyên truyền pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, lựa chọn giới tính thai nhi.

4. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nội dung giáo dục về dân số và phát triển, đưa nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, giới, giới tính, bình đẳng giới vào chương trình giảng dạy chính khóa, hoạt động ngoại khóa phù hợp từng cấp học, bậc học.

b) Phối hợp xây dựng và duy trì các câu lạc bộ; tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh công tác truyền thông thay đổi hành vi trong lứa tuổi chưa thành niên và thanh niên.

5. Trạm Y tế phường

a) Làm đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân phường và Phòng Văn hóa - Xã hội trong việc triển khai thực hiện các nội dung truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn; chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung và lịch tổ chức các hoạt động truyền thông dân số hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của phường.

b) Tổ chức tuyên truyền, vận động, giáo dục về dân số bằng các hình thức phù hợp như: truyền thông trực tiếp tại cộng đồng; tư vấn cá nhân, tư vấn nhóm; nói chuyện chuyên đề; tọa đàm, hội nghị truyền thông; lồng ghép nội dung dân số trong các hoạt động chăm sóc sức khỏe tại Trạm Y tế và các hoạt động y tế tại tổ dân phố.

c) Thực hiện cung cấp và sử dụng hiệu quả các sản phẩm truyền thông về dân số do cơ quan chuyên môn cấp trên cung cấp; chủ động phối hợp đề xuất nội dung, tài liệu, hình thức truyền thông phù hợp với đặc điểm dân cư và nhu cầu thực tế của phường.

d) Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân số, kỹ năng truyền thông, tư vấn, truyền thông số và các nội dung liên quan do Sở Y tế, cơ quan chuyên môn cấp trên tổ chức; đồng thời tổ chức phổ biến, chia sẻ kiến thức cho đội ngũ cộng tác viên dân số trên địa bàn.

e) Theo dõi, tổng hợp và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục về dân số; lưu trữ hồ sơ, tài liệu, hình ảnh minh chứng các hoạt động đã triển khai; định kỳ tổng hợp số liệu, báo cáo Phòng Văn hóa - Xã hội để tham mưu UBND phường báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định.

5. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường

a) Xây dựng, duy trì chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin, bài tuyên truyền về dân số; tăng thời lượng, tần suất phát sóng và nâng cao chất lượng nội dung trên hệ thống đài truyền thanh phường.

b) Tuyên truyền, vận động thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển.

6. Các tổ chức Chính trị - Xã hội và các Hội trên địa bàn phường

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số; tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về dân số, lồng ghép với các phong trào, cuộc vận động tại cộng đồng.

7. Các tổ dân phố trên địa bàn phường

a) Phối hợp với Trạm Y tế phường tổ chức các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục về dân số tại cộng đồng; lồng ghép nội dung dân số trong các cuộc họp tổ dân phố, sinh hoạt cộng đồng và các hoạt động phù hợp khác.

b) Phối hợp với cộng tác viên dân số, Trạm Y tế phường trong việc tuyên truyền, vận động, tư vấn tại hộ gia đình; kịp thời cung cấp thông tin về nhu cầu, khó khăn, vướng mắc của người dân liên quan đến công tác dân số để được hướng dẫn, hỗ trợ.

Ủy ban nhân dân phường yêu cầu các phòng, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường (qua phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp, tham mưu xem xét, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể phường;
- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường
- Trạm Y tế phường;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường;
- Các tổ dân phố;
- Lưu: VT, VH-XH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Tỉnh